

# Các vấn đề thường gặp của sinh viên hệ 1+4

## 國際專修部常見問題

1. **Không nên** gửi tiền học phí bằng tài khoản ngân hàng của bản thân. Hãy chuyển khoản bằng tài khoản ngân hàng của bố mẹ.  
不建議使用本人名下的銀行帳戶匯繳學費，請務必以父母名下的銀行帳戶進行轉帳。
2. Hãy chuẩn bị trước tiền sinh hoạt trong 3-4 tháng vì lúc mới sang phải tập trung học ngôn ngữ trước. Tùy theo visa của các bạn mà việc xin thẻ cư trú nhanh hoặc chậm, có người phải khám lại sức khỏe một lần nữa, có người đăng kí sai phải nộp lại hồ sơ xin thẻ cư trú, trong thời gian chờ đợi có người hết hạn visa phải đi gia hạn thì mới làm được thẻ cư trú.

**Lưu ý:** không có thẻ cư trú thì không xin được thẻ đi làm.

請事先準備好 3-4 個月的生活費，因為剛來臺灣時需先專心學習語言。

依各位的簽證種類不同，申請居留證的速度可能快或慢不一；有些人需要再次進行健康檢查，有些人因填寫資料錯誤需重新遞交居留證申請文件。在等待期間，也可能有人因簽證到期需先辦理延期，之後才能申請居留證。

**注意事項：**未取得居留證，將無法申請工作證。

3. **Tiền xe đưa đón**  
1 lượt đi đón tại sân bay, chi phí **1,000 Đài tệ**.  
接駁車(乙次接機)費用**1,000元**。
4. **Làm thẻ cư trú ARC với visa du lịch / khóa học ngôn ngữ ngắn hạn (Visitor visa).**

Giấy tờ cần chuẩn bị để làm thẻ cư trú (ARC) sau khi đến Đài Loan: giấy khám sức khỏe 健康檢查 (cần được giám định bởi văn phòng Đài Bắc tại Việt Nam mới có hiệu lực, **nếu chưa đi giám định**, sang Đài Loan **BUỘC KHÁM LẠI**). Chi phí khám lại là **2,000 – 3,000 Đài tệ**), hộ chiếu, visa có mộc nhập cảnh Đài Loan, giấy chứng nhận ở kí túc xá (居住證明), giấy chứng minh đang học tại trường (在學證明),

thẻ tiêm ngừa (phải đủ 2 mũi, các mũi tiêm gồm: Sởi – Quai Bị - Rubella, thiếu 1 mũi tiêm hoặc chỉ có Sởi – Rubella đều không hợp lệ), chi phí làm thẻ cư trú **3,200 Đài tệ** (gồm: 1,000 tiền thẻ cư trú, 2,200 tiền xét duyệt).

**TỔNG: 5,200 – 6,200 Đài tệ**

**停留簽證 (觀光簽證) / 短期語言課程簽證 (Visitor)。**

抵達臺灣後辦理居留證 (ARC) 需準備之文件如下：

健康檢查證明 (須經越南之臺北經濟文化辦事處驗證後方具效力；若未經驗證，入境臺灣後**必須重新體檢**，重新體檢費用約為新臺幣 **2,000–3,000 元**)、護照、加蓋臺灣入境章之簽證、宿舍住宿證明 (居住證明)、在學證明、疫苗接種卡 (須完成 2 劑接種，接種項目包含：麻疹—腮腺炎—德國麻疹 [MMR]；若缺少任一劑，或僅接種麻疹—德國麻疹，皆視為不合格)，以及居留證辦理費用共新臺幣 **3,200 元** (包含居留證費新臺幣 1,000 元及審查費新臺幣 2,200 元)。

**總共: 新台幣5,200 – 6,200元**

## **5. Gia hạn visa dành cho các bạn có visa du lịch (Vistor):**

Giấy tờ cần chuẩn bị: hộ chiếu gốc, bản photo hộ chiếu, bản photo visa cũ, đơn xin gia hạn visa, giấy chứng minh đang học tại trường (在學證明), chi phí gia hạn **300 Đài tệ**.

**停留簽證 (Visitor Visa) 之簽證延期說明：**

需準備文件：護照正本，護照影本，簽證影本，簽證延期申請書，在學證明，費用：新臺幣 **300 元**

## **6. Làm thẻ cư trú ARC với visa dành cho chương trình học**

**chính quy (Resident visa).**

Giấy tờ cần chuẩn bị để làm thẻ cư trú (ARC) sau khi đến Đài Loan: giấy khám sức khỏe 健康檢查 (visa Resident sang Đài Loan không cần khám lại), hộ chiếu, visa có mộc nhập cảnh Đài Loan, giấy chứng nhận ở kí túc xá (居住證明), giấy chứng minh đang học tại trường (在學證明), thẻ tiêm ngừa, chi phí làm thẻ cư trú **1,000 Đài tệ**.

**TỔNG: 1,000 Đài tệ**

## 居留簽證／正規學制課程簽證 (Resident)。

抵達臺灣後辦理居留證 (ARC) 需準備之文件如下：

健康檢查證明 (持居留簽證入境臺灣者無需重新體檢)、護照、加蓋臺灣入境章之簽證、宿舍住宿證明 (居住證明)、在學證明、疫苗接種卡，以及居留證辦理費用新臺幣 1,000 元。

總共: 新台幣1,000元

## 7. Học phí năm 2025-2026 (114第一學期學費):

- **Chi phí học kì 1 bao gồm:** phí học tiếng Trung **25,000 Đai tệ** (sẽ trả lại vào tháng ba hoặc tháng tư năm kế tiếp với điều kiện đi học đủ số giờ quy định, làm bài tập đầy đủ, không cúp học, có tiến bộ trong học tập), bảo hiểm y tế (dao động từ **3,000 – 4,956 Đai tệ** → 826 Đai tệ một tháng), phí kí túc xá (tòa B: **10,250 Đai tệ**, tòa H: **13,500 Đai tệ**), tiền cọc kí túc xá **3,000 Đai tệ** (sẽ trả lại **2,700 Đai tệ** vào kì nghỉ hè của học kì 2 với điều kiện vệ sinh phòng sạch sẽ, đồ đạc không hư hỏng,...)

**TỔNG: 41,250 Đai tệ ~ 43,206 Đai tệ (ở ký túc tòa B)**

**và 44,500 Đai tệ (ở ký túc tòa H)**

**第一學期相關費用包含：**

華語學習費用新臺幣 **25,000 元** (若符合規定出席時數、作業皆按時完成、不翹課，且學習表現有進步，將於隔年三月或四月退還)、

醫療保險費 (約新臺幣 **3,000~4,956 元** → 每月新臺幣 **826 元**)、

宿舍費用 (B 棟新臺幣 **10,250 元**；H 棟新臺幣 **13,500 元**)、

宿舍押金新臺幣 **3,000 元** (若於第二學期暑假期間退宿時，房間清潔良好、設備無損壞等，將退還新臺幣 **2,700 元**)。

**總共: 新臺幣41,250元 ~ 43,206元 (B 棟宿舍)**

**新臺幣44,500元 (H 棟宿舍)**

- **Chi phí học kì 2 bao gồm:** phí học tiếng Trung **25,000 Đai tệ**, bảo hiểm y tế **4956 Đai tệ** (826 Đai tệ một tháng), phí kí túc xá (tòa B: **10,250 Đai tệ**, tòa H: **13,500 Đai tệ**).

**TỔNG: 40,206 Đai tệ ~ 43,456 Đai tệ**

**第二學期相關費用包含：**

華語學習費用新臺幣 **25,000 元**、醫療保險費**4,956 元** (每月新臺幣 **826 元**)、宿舍費用 (B 棟新臺幣 **10,250 元**；H 棟新臺幣 **13,500 元**)。

**總共：新臺幣40,206元 ~ 43,456元**

- **Chi phí kí túc xá phía trên chưa bao gồm chi phí kí túc xá của kì nghỉ đông (5-6 tuần) và nghỉ hè (8 tuần).** Nghỉ đông và nghỉ hè tiền phí ở kí túc xá là **100 đồng** một ngày và **60 đồng** tiền dọn dẹp.  
上述宿舍費用尚未包含寒假（約5-6週）及暑假（約8週）期間之住宿費用。寒假與暑假期間之宿舍費為每日新臺幣**100元**與清潔費新臺幣**60元**。

## 8. Thẻ bảo hiểm y tế

Phải ở đủ 6 tháng mới được cấp, trong thời gian này nếu có về Việt Nam chỉ được về dưới 29 ngày. Nếu quá 29 ngày phải tính lại từ đầu, chờ tiếp 6 tháng mới được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

健保卡須在臺居留滿6個月後方可申請核發；於此期間如返回越南，離境時間僅能少於29天。若超過29天，則需重新計算居留期間，並再次等待6個月後，方可申請健保卡。

## 9. Thẻ đi làm

Giấy tờ cần chuẩn bị: hộ chiếu, thẻ cư trú, thẻ sinh viên, giấy cam kết xin đi làm (có chữ kí giáo viên chủ nhiệm và mộc của nhà trường), giấy chứng minh đang học tại trường (在學證明), bằng ngôn ngữ A1-B1 nếu có, chi phí làm giấy **100 Đài tệ**.

### 工作證

需準備之文件如下：

護照、居留證 (ARC)、學生證、申請打工之切結書 (須有導師簽名及學校蓋章)、在學證明、語言能力證明 A1-B1 (如有)，以及辦理文件費用為新臺幣 **100 元**。

- **Thời gian đi làm HỢP PHÁP** trong năm học: 20 giờ một tuần.  
Nghỉ đông và nghỉ hè không giới hạn giờ làm.  
學年內合法工作時間：每週20小時。  
寒假與暑假期間，工作時數不限。
- **Nếu làm việc không có giấy phép**, vi phạm Điều 63 Luật Dịch vụ Việc làm, bị **phạt từ 150,000 Đài tệ đến 750,000 Đài tệ và dẫn độ về nước**, không được trở lại Đài Loan học nữa. Trường cũng bị liệt vào danh sách đen của chính phủ, những kì tuyển sinh các năm tiếp theo không được tuyển sinh viên Việt Nam nữa.  
若無工作許可從事工作，違反《就業服務法》第63條，將處新

臺幣 150,000 元至 750,000 元罰款，並可能被遣返回國，且不得再到臺灣讀書。學校亦將被列入政府黑名單，未來招生期間將不得招收越南學生。

## 10. Nghỉ đông và nghỉ hè

Các hàng quán trong trường sẽ không hoạt động (bao gồm cửa hàng tiện lợi 7-11). Các bạn sẽ tự lo vấn đề ăn uống của bản thân nếu như các bạn chọn ở lại trường, không về Việt Nam.

寒假與暑假期間，校內各項餐飲店家將暫停營業（包含 7-11 便利商店）。若同學選擇留在學校、不返回越南，需自行安排與負責個人飲食事宜。

## 11. Phải học cách phân loại rác thải trước khi đến Đài Loan

來台灣前，請先學垃圾分類是非常重要的的一件事。

## 12. Dưới đây là những việc KHÔNG NÊN LÀM khi ở tại Đài

**Loan tránh bị phạt tiền hoặc đi tù vì sự thiếu hiểu biết của bản thân:**

以下事情在台灣不能做，以避免因自身缺乏了解而被罰款或入獄

- Quay phim, chụp ảnh khi chưa có sự cho phép của người khác (未經他人同意擅自拍照或錄影)

### **Bộ luật Dân sự (Civil Code, 民法)**

Điều 195: Nếu xâm phạm quyền riêng tư hoặc danh dự của người khác, người vi phạm phải **bồi thường thiệt hại**.

### **Luật An ninh Thông tin Cá nhân (Personal Data Protection Act, 個人資料保護法)**

Việc thu thập, lưu trữ, hoặc công bố hình ảnh cá nhân **không được sự đồng ý** có thể bị xử lý.

## **Bộ luật Hình sự (Criminal Code, 刑法)**

Điều 315-1: Xâm phạm bí mật đời tư (ví dụ: quay lén, phát tán hình ảnh riêng tư) có thể bị **phạt tù hoặc tiền phạt**.

**Người bị quay/chụp có quyền khiếu nại:** Có thể yêu cầu gỡ ảnh, bồi thường hoặc kiện ra tòa.

- Đụng vào vật dụng cá nhân của người khác (điện thoại, ví tiền, túi xách,...) mà không được cho phép (未經允許觸碰他人的個人物品，如：手機、錢包、手提包等)

## **Bộ luật Hình sự (Criminal Code, 刑法)**

**Điều 321:** “Trộm cắp” – Lấy hoặc sử dụng tài sản của người khác mà không được phép, kể cả **vật dụng cá nhân nhỏ** như điện thoại, ví, túi xách, có thể bị xem là **trộm cắp hoặc chiếm đoạt tài sản**.

**Điều 308:** “Xâm phạm tài sản” – Nếu không lấy đi mà chỉ **sờ, di chuyển, mở** đồ của người khác mà gây ảnh hưởng đến quyền sở hữu, vẫn có thể bị xử lý theo hình thức nhẹ hơn.

## **Bộ luật Dân sự (Civil Code, 民法)**

Người bị xâm phạm có quyền yêu cầu **bồi thường thiệt hại** về vật chất hoặc tinh thần.

**Nhạy cảm đặc biệt:** Mở điện thoại, ví tiền của người khác có thể bị xem là hành vi **xâm phạm nghiêm trọng**, kể cả không lấy tiền, vì liên quan đến quyền riêng tư cá nhân. Hành vi này sẽ được tính là **vi phạm luật Hình sự**.

- Không dùng bát làm từ nhôm / inox / sắt / nhựa hâm bằng lò vi sóng, dễ tạo ra tia lửa dẫn đến cháy nổ. Cũng sẽ bị phạt vì tội cố ý phá hoại tài sản, sử dụng điện không đúng cách dẫn đến cháy dây điện và gây nguy hiểm đến tính mạng người khác là hành vi vi phạm pháp luật và có thể cấu thành “Tội gây nguy hiểm cho công cộng”.

不可使用鋁製／不鏽鋼／鐵製／塑膠製的容器放入微波爐加熱，容易產生火花，導致火災或爆炸。此行為亦可能因故意損壞公物、不當用電造成電線走火並危害他人生命安全而受罰，屬於違法行為，情節嚴重者可能構成「公共危險罪」。

### 13. Nói cảm ơn, xin lỗi và không có chi

說謝謝、對不起與不客氣

Khi sang Đài Loan, các bạn phải học thêm văn hóa của người bạn địa. Họ luôn nói cảm ơn khi ai đó làm giúp họ việc gì đó dù là việc nhỏ nhất và luôn nói xin lỗi khi xin người khác nhường đường / vô tình đụng trúng người khác / lỡ làm phiền đến người khác,...cho dù họ lớn tuổi hơn nhưng khi làm sai họ vẫn xin lỗi. Họ luôn nói không có chi khi người khác cảm ơn họ.

Đó là một nét văn hóa, đi đâu, làm gì cũng nên luyện thói quen nói cảm ơn – xin lỗi – không có chi thành phản xạ tự nhiên. Nếu bạn không luyện thành phản xạ tự nhiên, bạn sẽ trở thành người bất lịch sự trong mắt người khác.

當你來到臺灣後，需要學習並適應當地人的文化。他們在別人幫忙時，無論事情大小，都會說「謝謝」；在請別人讓路、不小心碰到他人，或是不慎打擾到別人時，也一定會說「對不起」。即使年紀較大，只要做錯了事情，仍然會道歉。當別人向他們道謝時，通常會回答「不客氣」。

這是一種重要的文化習慣。不論走到哪裡、做什麼事情，都應該培養把「謝謝、對不起、不客氣」當成自然反射的習慣。如果沒有養成這樣的習慣，很容易在他人眼中被認為是不懂禮貌的人。